

# CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA SẢN XUẤT, PHÂN PHỐI VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI

PGS, TS LÊ QUỐC LÝ  
*Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

- ♦ **Tóm tắt:** *Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa sản xuất, phân phối và thực hiện công bằng xã hội, từ khi ra đời đến nay, vẫn còn nguyên giá trị và có ý nghĩa to lớn trong việc cải biến và phát triển xã hội. Mối quan hệ này, cho dù ở bất cứ thời điểm nào, vẫn là vấn đề có tính cốt lõi, bao trùm trong đời sống kinh tế - xã hội của loài người; việc giải quyết mối quan hệ này như thế nào, ra sao, sẽ cho phép, không chỉ, đánh giá được bản chất của xã hội, mà còn, cho thấy khuynh hướng phát triển của xã hội. Bài viết khẳng định lại lý luận trên trong giai đoạn hiện nay, nhất là trong xu hướng của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.*
- ♦ **Từ khóa:** *Chủ nghĩa Mác - Lênin; Sản xuất; Phân phối; Tiêu dùng; Công bằng xã hội.*

**X**ã hội loài người, ngay từ khi hình thành, đã phải có hành động để mưu sinh, từ hái lượm đến lao động sản xuất tự cung, tự cấp và tiếp đó là sản xuất hàng hóa bán ra thị trường, thực hiện hành vi trao đổi, phân phối và cuối cùng là tiêu dùng. Ba khâu sản xuất, phân phối và tiêu dùng luôn luôn đi liền với nhau, bổ trợ và tương tác qua lại với nhau cùng phát triển từ khi con người biết sản xuất hàng hóa. Công bằng xã hội là thể hiện hình thức của ba khâu sản xuất, phân phối và tiêu dùng, và đến lượt nó, có tác động trở lại làm cho ba khâu đó phát triển phong phú và ngày càng cao hơn. Công bằng trong sản xuất thể hiện sự tham gia như nhau (tương đương nhau) của mỗi cá nhân trong quá trình sản xuất qua sự đóng

góp sức lao động (sức lực, kỹ năng và trí tuệ) để tạo ra sản phẩm của quá trình đó. Công bằng trong phân phối là thể hiện sự phân phối trên những đóng góp của mỗi người vào quá trình tạo ra sản phẩm trong quá trình sản xuất, đó là sức lao động, vốn và các đóng góp khác. Công bằng trong tiêu dùng thể hiện sự thụ hưởng của mỗi người dựa trên sự đóng góp của họ vào trong quá trình tạo ra sản phẩm. Như vậy, công bằng xã hội là quyền ngang nhau của mọi người trong một quan hệ xác định - quan hệ giữa cống hiến và hưởng thụ, giữa nghĩa vụ và quyền lợi. Công bằng xã hội gắn với ba khâu sản xuất, phân phối và tiêu dùng thể hiện sự cống hiến, đóng góp của con người vào sản xuất, tạo ra sản phẩm và quyền được thụ hưởng

những thành quả làm ra của họ qua phương thức phân phối và tiêu dùng một cách công bằng. Ba khâu sản xuất, phân phối và tiêu dùng được hình thành và phát triển từ khi loài người biết sản xuất hàng hóa, còn công bằng xã hội cũng hình thành từ đó nhưng các cấp độ phát triển, mức độ công bằng thì có khác nhau qua các thời kỳ và ngày càng được nhận thức và vận dụng đầy đủ, đúng đắn hơn. Nhờ có công bằng nên đã tác động trở lại làm cho sản xuất được phát triển cao hơn, tốt hơn, phân phối được hoàn thiện hơn và tiêu dùng cũng được thay đổi hơn.

Tính cho đến nay, xét trên quan niệm về hình thái kinh tế - xã hội, nhân loại đã, đang trải qua 5 hình thái kinh tế - xã hội; còn xét trên tiến bộ của lực lượng sản xuất thì, nhân loại đã, đang và sẽ trải qua các trình độ phát triển, từ xã hội nguyên thủy (1.0) đến xã hội nông nghiệp (2.0), xã hội công nghiệp (3.0), tiếp đến xã hội số (4.0) và đang chuẩn bị cho xã hội trí tuệ thông minh (5.0)<sup>1</sup>. Sự thay đổi của các hình thái kinh tế - xã hội là kết quả của sự quá trình xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất xã hội, và, kể từ khi chủ nghĩa tư bản ra đời, nhân tố làm gia tăng nhanh chóng tính chất xã hội hóa này gắn chặt với sự phát triển của các cuộc cách mạng công nghiệp. Chính sự phát triển của lực lượng sản xuất thông qua các cuộc cách mạng công nghiệp cũng dần làm thay đổi nhiều mối quan hệ trong sản xuất, phân phối, tiêu dùng cũng như thực hiện công bằng xã hội.

Tuy nhiên, những cơ sở nền tảng như: Sản xuất là điểm xuất phát hay là tiền đề để tạo ra của cải vật chất cho xã hội; tiêu dùng là điểm cuối cùng cũng là điểm đầu của sản xuất (tiêu dùng trong sản xuất được diễn ra đồng thời với quá trình sản xuất, chỉ có tiêu dùng nguyên vật liệu, sức lao động là đầu vào thì mới sản xuất ra sản phẩm mới), kích thích thúc đẩy sản xuất

phát triển; phân phối là khâu trung gian bảo đảm cho sự gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất với tiêu dùng lại với nhau và là khâu làm cho giá trị hàng hóa được thực tiễn hóa, cũng như giúp cho sản xuất và tiêu dùng cùng phát triển thì vẫn không thay đổi. Những điều này, không chỉ đúng trước đây mà hôm nay vẫn đúng, đã được C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ rõ: “sản xuất thể hiện ra là điểm xuất phát, tiêu dùng là điểm cuối cùng, phân phối và trao đổi là điểm trung gian, điểm trung gian này lại có hai yếu tố, vì phân phối được quy định là yếu tố xuất phát từ xã hội, còn trao đổi là yếu tố xuất phát từ cá nhân. Trong sản xuất, con người được khách thể hóa, trong tiêu dùng thì đồ vật được chủ thể hóa; trong phân phối, dưới hình thái những tính quy định phổ biến có tác dụng chi phối, xã hội đảm nhiệm làm trung gian giữa sản xuất và tiêu dùng; trong trao đổi, môi giới giữa sản xuất và tiêu dùng là tính xác định có tính chất ngẫu nhiên của cá nhân”<sup>2</sup>. Như vậy, sản xuất, phân phối và tiêu dùng là những bộ phận của quá trình tái sản xuất xã hội trong kinh tế hàng hóa. Công bằng hay bất công bằng là biểu hiện của tiêu dùng theo nghĩa được thụ hưởng thành quả tạo ra từ sản xuất trong xã hội của mỗi cá nhân. Đây là mối quan hệ biện chứng, nền tảng cho phát triển của xã hội. “Như vậy sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng hình thành một tam đoạn luận đúng cách: sản xuất là cái chung, phân phối và trao đổi là cái đặc thù, tiêu dùng là cái đơn nhất khép kín tổng thể”<sup>3</sup>. Thử hỏi loài người có thể tồn tại được không nếu không có sản xuất; và, sản xuất có thể phát triển được không nếu không có phân phối; và, sản xuất và phân phối có thể tồn tại được không nếu không có tiêu dùng. Cuối cùng, tất cả các khâu đó khó có thể phát triển nếu không có công bằng xã hội. Điều này chứng minh C.Mác luôn đúng.

Thực tế hàng vạn năm cho thấy, không có sản xuất thì không thể tạo ra hàng hóa và cũng không thể tạo ra của cải vật chất cho xã hội, và nhờ đó và chỉ có đó, xã hội mới có thể có nhiều của cải hơn và giàu hơn. Tuy nhiên, sản xuất ra mà không có tiêu dùng thì của cải và hàng hóa làm ra cũng không có nghĩa lý gì, tức là cũng chỉ bỏ kho hoặc đắp đống vứt đi. Cho nên, có tiêu dùng thì sản xuất hàng hóa mới có ý nghĩa và hữu dụng. Kết quả của sản xuất hay giá trị của hàng hóa chỉ có thể thể hiện được nhờ có tiêu dùng. “Tiêu dùng đồng thời cũng trực tiếp là sản xuất”<sup>4</sup>. “Sản xuất trực tiếp là tiêu dùng, tiêu dùng trực tiếp là sản xuất. Mỗi cái trực tiếp là mặt đối lập của nó. Nhưng đồng thời giữa hai cái đó có một sự vận động môi giới. Sản xuất làm môi giới cho tiêu dùng, sản xuất tạo ra những vật liệu cho tiêu dùng, không có vật liệu này thì tiêu dùng sẽ không có đối tượng. Nhưng tiêu dùng cũng là môi giới cho sản xuất, bởi vì chỉ có tiêu dùng mới tạo ra chủ thể cho các sản phẩm, chúng là sản phẩm chính đối với chủ thể này”<sup>5</sup>.

Tuy nhiên, nếu chỉ có sản xuất và tiêu dùng thì hàng hóa và của cải tạo ra chỉ thực hiện được trong quy trình tự cung, tự cấp mà không thể kết nối giữa người sản xuất và người tiêu dùng là hai chủ thể khác nhau. Do đó, phân phối lưu thông được hình thành để kết nối giữa người sản xuất với người tiêu dùng và làm cho giá trị hàng hóa được bộc lộ rõ nét. Đồng thời, trong thực tiễn tiêu dùng có người được tiêu dùng nhiều, có người được tiêu dùng ít do nguồn lực tài chính, điều kiện cụ thể của mỗi người có khác nhau nên dẫn đến có hiện tượng công bằng và không công bằng xã hội. “Bản thân phân phối là sản vật của sản xuất, - không những về mặt nội dung, vì người ta chỉ có thể đem phân phối những kết quả của sản xuất mà thôi, mà về cả hình thức, vì phương thức tham gia nhất định vào sản xuất quy định hình thái

đặc thù của phân phối, quy định hình thái theo đó người ta tham dự vào phân phối”<sup>6</sup>. Hơn nữa, C.Mác cũng chỉ rõ: “Phân phối có trước sản xuất và quyết định sản xuất với tư cách là một sự thật có trước kinh tế”<sup>7</sup>. Có thể khẳng định đây là luận điểm rất đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin và không thể phủ định được.

Theo C.Mác, sản xuất, phân phối và công bằng xã hội là sự tổng hợp logic hệ thống các vấn đề về kinh tế, xã hội học, thể chế chính trị, thể chế kinh tế, cấu trúc xã hội, giáo dục nhằm phê phán các chế độ xã hội không có bình đẳng và đặc biệt hướng tới xây dựng một chế độ xã hội mới có trình độ phát triển cao hơn mà trong đó sự bình đẳng, công bằng xã hội được thiết lập trên cơ sở tăng trưởng kinh tế tiềm năng. “Sản xuất hình như là do các quy luật phổ biến của tự nhiên quy định; phân phối do sự ngẫu nhiên của xã hội quyết định, vì vậy nó có thể ảnh hưởng ít nhiều thuận lợi đến sản xuất; trao đổi nằm ở giữa hai khâu đó, như là một sự vận động xã hội có tính chất hình thức, còn hành vi cuối cùng - tiêu dùng - không những được coi là điểm kết thúc, mà còn là mục đích cuối cùng, nói thực ra là nằm ngoài kinh tế, trừ trường hợp nó tác động trở lại điểm xuất phát và làm cho toàn bộ quá trình bắt đầu lại”<sup>8</sup>. Với nội dung C.Mác nêu ra ở đây có thể thấy khâu ngoài kinh tế chính là khâu xã hội mà cụ thể là biểu hiện của công bằng xã hội. Có thể nói, nền kinh tế chủ nghĩa tư bản cận hiện đại và hiện đại đã đạt được mức tăng trưởng ổn định trong dài hạn, đem lại mức sống cao hơn cho người dân xét về bình quân, nhưng kèm theo đó, gia tăng bất bình đẳng xảy ra ngày càng bức xúc, đặc biệt là về bất bình đẳng tương đối. Những hạn chế của chủ nghĩa tư bản chỉ được giải quyết khi xã hội loài người chuyển sang chủ nghĩa xã hội như C.Mác đã chỉ ra.

Sự đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin còn thể hiện trong Kinh tế học C.Mác, trong đó chỉ rõ: Thứ nhất: “Sản xuất cũng trực tiếp là tiêu dùng. Tiêu dùng về hai mặt, chủ quan và khách quan: cá nhân phát triển các năng lực của mình trong quá trình sản xuất, đồng thời cũng tiêu phí, tiêu dùng các năng lực đó trong hành vi sản xuất, cũng giống như hành vi tự nhiên sinh con đẻ cái là sự tiêu dùng các sức sống. Thứ hai: sản xuất là tiêu dùng các tư liệu sản xuất mà người ta sử dụng, chúng hao mòn đi và một phần (ví dụ như khí đốt) phân giải trở lại thành những nguyên tố cơ bản”<sup>9</sup>. Nhiều tập trong bộ Tư bản đã được biên chỉnh, bổ sung và hoàn thiện bởi Ph.Ăngghen. Bên cạnh lý luận về mối quan hệ giữa sản xuất, phân phối và công bằng xã hội, lý thuyết Giá trị thặng dư được chỉnh lý bởi Karl Kautsky, Thuyết giá trị của C.Mác và chủ thuyết Perron - Fronenuis về ma trận dương và vectơ riêng (positive matrix and egeinvector) được sử dụng như một nền tảng đối với các diễn giải toán học trong Kinh tế học mác xít.

Lý thuyết về sản xuất của C.Mác trước hết được tiếp cận dưới tiền đề của các nhà khoa học kinh tế cùng thời như: Adam Smith, Thomas Robert Malthus và David Ricardo. Trong tác phẩm *The Wealth of Nations* (Sự thịnh vượng của các quốc gia - 1776), Adam Smith cho rằng, đặc điểm quan trọng nhất của nền kinh tế thị trường là nó sẽ giúp nền kinh tế này có thể đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế liên tục với các hoạt động kinh tế có hiệu quả. Ông nhấn mạnh, khi thị trường phát triển, nó sẽ kích thích và thúc đẩy quá trình phân công lao động xã hội (chuyên môn hóa trong sản xuất), đến lượt nó, sự chuyên môn hóa này lại thúc đẩy năng suất lao động cao hơn. Tuy nhiên, một trong những hạn chế về lý thuyết của Adam Smith là chưa tính đến yếu tố năng suất cận biên lao động giảm dần như các lý

thuyết kinh tế cận biên sau này đã chứng minh. C.Mác đã vận dụng tiền đề đầu tiên này để xây dựng lý thuyết về sản xuất của mình và nêu rõ kết quả có lợi và quan trọng nhất về mặt kinh tế của chủ nghĩa tư bản chính là sự tăng trưởng kinh tế liên tục trong các hoạt động sản xuất có tính hiệu quả. Tuy nhiên, nhận định rất quan trọng của C.Mác là người lao động là lực lượng xã hội sẽ gây ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển của chủ nghĩa tư bản khi phương thức sản xuất này trở nên hiệu quả hơn.

Tiền đề thứ hai mà C.Mác vận dụng đó là lý luận của Thomas Robert Malthus. Trong tác phẩm *An essay on the Principle of Population* (Một bài luận về nguyên tắc dân số - 1798), Malthus cho rằng, chính tốc độ tăng trưởng dân số là nguyên nhân chính dẫn đến sự suy giảm mức tiền công tối thiểu của người lao động. Từ căn cứ lý luận này, C.Mác đã giới thiệu lý thuyết mới cho rằng thặng dư trong quy mô dân số một cách tương đối trong chủ nghĩa tư bản có nguy cơ làm suy giảm các mức tiền công tối thiểu. Điểm khác biệt lớn nhất so với Malthus là C.Mác nhìn nhận được thặng dư về dân số tương đối là do các nguyên nhân kinh tế chứ không phải do các nguyên nhân về sinh học gây ra.

Tiền đề thứ ba được tiếp cận dưới lý luận của David Ricardo về lý thuyết phân phối trong chủ nghĩa tư bản, mà cốt lõi của lý thuyết này đề cập đến sản lượng của nền kinh tế được phân bổ thế nào giữa các tầng lớp xã hội khác nhau. Trong tác phẩm *On the principles of political economy and taxaion* (Về các nguyên tắc của kinh tế chính trị và thuế - 1817), Ông đã xây dựng lý thuyết về giá trị và cho rằng, lao động có đóng góp một cách công bằng trong giá trị sản phẩm tạo ra từ quá trình sản xuất, tuy nhiên phân phối thu nhập lại không bình đẳng khi lợi nhuận và tiền lương, tiền công lại vận động

theo xu hướng ngược chiều nhau, tức là, sự gia tăng của lợi nhuận cho giới chủ có được là do sự cắt giảm trong quỹ tiền công, tiền lương phải trả cho người lao động. Chính luận điểm này đã được C.Mác tiếp cận và đưa vào các phân tích trong lý luận phê phán chủ nghĩa tư bản.

Quan điểm của C.Mác về mối quan hệ giữa sản xuất, phân phối và công bằng xã hội, trước hết được thể hiện rõ trong Học thuyết giá trị lao động (*Labor Theory of Value*). Ông khẳng định, giá trị của một hàng hóa là do thời gian lao động xã hội cần thiết được đầu tư vào trong đó. Tuy nhiên, nhà tư bản đã không trả đủ tiền công, tiền lương cho người lao động đối với toàn bộ giá trị của hàng hóa mà người lao động trực tiếp sản xuất ra, mà chỉ trả một khoản tiền công cho lượng lao động cần thiết tạo ra hàng hóa đó (tức là mức tiền công chỉ đủ bù đắp những nhu cầu tồn tại tối thiểu cho người lao động để có thể duy trì lao động trong hiện tại và tương lai mà thôi). C.Mác cho rằng, mức tiền công tối thiểu này chẳng qua chỉ là một phần trong giá trị hàng hóa do lao động trong một ngày của người lao động, phần giá trị còn lại - tức lao động thặng dư - thì bị các nhà tư bản chiếm giữ.

Trên cơ sở đó, C.Mác vạch rõ khoảng cách khác biệt giữa giá trị hàng hóa do một lao động làm ra với tiền công mà anh ta nhận được và cho đó là một hình thức lao động không được trả tiền công, dưới tên gọi "*giá trị thặng dư*", một nguyên nhân gây ra sự bất bình đẳng trong xã hội do chế độ phân phối sản xuất tư bản chủ nghĩa đem lại. Quan trọng hơn, Ông cho rằng, thị trường dường như che mờ đi mối quan hệ xã hội và quá trình sản xuất, tức là con người trong xã hội có thể nhận thức tốt về hàng hóa nhưng lại không nghĩ tới các mối quan hệ trong sản xuất và hoạt động lao động của chính họ.

Tiến bộ công nghệ có vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất, tuy nhiên dưới chủ nghĩa tư bản, tiến bộ công nghệ không đi liền với tiến bộ xã hội. Đây là một luận điểm mà C.Mác chỉ ra rất rõ trong phương thức sản xuất và phân phối của chế độ xã hội này. Theo C.Mác, năng suất lao động chính là lượng hàng hóa thực tế mà một người lao động làm ra trong một khoảng thời gian nhất định. Năng suất lao động có xu hướng tăng lên trong chủ nghĩa tư bản vì các lý do như: i) quy mô của sản xuất gia tăng; ii) chuyên môn hóa lao động tăng lên; iii) sự ra đời của nhiều hệ thống máy móc sản xuất mới. Do đó, giá trị thực sự của một sản phẩm ngay lập tức sẽ giảm xuống, vì lượng lao động cần thiết để tạo ra sản phẩm này sẽ ít đi. Trong một khoảng thời gian nhất định, người lao động tạo ra nhiều sản phẩm hơn khi áp dụng tiến bộ công nghệ trong sản xuất, nhưng mỗi một đơn vị sản phẩm lại hàm chứa ít giá trị hơn, tổng giá trị tạo ra trong một đơn vị thời gian không giảm mà là như nhau. Điều này cho thấy, mức tiền công thực tế không thay đổi, thì tính trung bình người lao động sẽ có năng suất lao động cao hơn, tạo ra nhiều hàng hóa hơn nhưng tiền lương, tiền công tính trung bình về thời gian là giảm đi, cũng có nghĩa là nhà tư bản sẽ thu được nhiều giá trị thặng dư hơn tính trung bình về mặt thời gian lao động.

Như vậy, lý luận của C.Mác, xét từ khía cạnh kinh tế (phương thức mà nền sản xuất tư bản chủ nghĩa hoạt động) để cụ thể hóa vai trò chính trị trong các quan hệ xã hội dưới chủ nghĩa tư bản, có thể tóm lược lại sự tương tác hay biện chứng của vấn đề này như sau:

C.Mác đề ra các nguyên tắc quản lý và điều chỉnh cách thức phân phối phúc lợi xã hội dưới chế độ xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa cộng sản là khác biệt so với chế độ tư bản chủ nghĩa. Phân phối trong chủ nghĩa xã hội sẽ

được thiết lập trên nguyên tắc hợp tác lao động, theo năng lực lao động và nhu cầu cá nhân người lao động. Trong khi đó, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa biểu hiện rõ bản chất bóc lột người lao động chứ không hoàn toàn quan tâm đến phúc lợi và nhu cầu của họ. Quá trình bóc lột sức lao động dẫn đến sự tách biệt giữa đóng góp của lao động xã hội trong sản xuất hàng hóa với tiền lương, tiền công mà lao động xã hội có được để tiêu dùng hàng hóa cho nhu cầu bản thân và gia đình họ. Phân phối thu nhập, vì thế không đạt được sự bình đẳng, công bằng giữa hai nhóm xã hội chủ yếu trong trao đổi hàng hóa: nhóm bóc lột và nhóm bị bóc lột. Nhà tư bản (nhóm bóc lột) có khả năng chi tiêu lớn do thu nhập và lợi nhuận thu được trong quá trình sản xuất - kinh doanh, và các khoản thu nhập này không thể hiện giá trị lao động của họ trong giá trị hàng hóa được tạo ra, tức là lao động của nhà tư bản không tương xứng với giá trị thu nhập mà họ có được, điều này thể hiện rõ tính chất bóc lột của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đối với các quan hệ xã hội. Nhóm bóc lột thường là những cá nhân có địa vị xã hội, giai cấp tư sản và sở hữu các nguồn lực, yếu tố sản xuất vật chất của xã hội. Ngược lại, nhóm bị bóc lột (tức những người lao động) nhận được khoản tiền công ít hơn so với năng suất trung bình của sản phẩm mà họ tạo ra. Xét toàn bộ xã hội tư bản chủ nghĩa, hoạt động sản xuất và phân phối thu nhập không đem lại công bằng xã hội, trong điều kiện như vậy thì xu hướng tất yếu là khoảng cách giàu nghèo, mức sống, nhu cầu trong xã hội ngày càng bị cách biệt giữa hai nhóm.

Trong tác phẩm *The condition of working class in England* (Tình cảnh giai cấp công nhân Anh - 1845), Ph.Ăngghen cũng phê phán phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa

gắn với phát triển cách mạng công nghiệp tại Anh. Theo Ph.Ăngghen phân tích, cách mạng công nghiệp ở Anh có ảnh hưởng tiêu cực đến phân phối trong thu nhập của người lao động, đặc biệt là mức tiền lương và điều kiện sống của người lao động khi bị bóc lột quá mức tại các công xưởng nước Anh. Những công nhân ngành công nghiệp có thu nhập thấp hơn nhiều, và do đó, họ sống trong điều kiện tồi tệ về sức khỏe và mức chi tiêu hẹp hòi so với công nhân trước thời kỳ cách mạng công nghiệp.

Hiện nay, khi nền sản xuất vật chất đã phát triển cao, phân phối cũng đã có nhiều thay đổi và công bằng xã hội đã được quan tâm nhiều hơn và đã được thực hiện ở nhiều nước trên thế giới với nội hàm đã phát triển trên một bình diện mới. Đặc biệt, nhờ có cuộc cách mạng công nghiệp 3.0 và 4.0, những hình thức sản xuất vật chất đã thay đổi nhiều trong quá trình sản xuất. Robot đang dần thay thế con người trong nhiều khâu của quá trình sản xuất; trí tuệ nhân tạo được áp dụng rộng rãi; Internet vạn vật là công cụ điều hành quan trọng; đi liền với đó là cách thức, phương thức, nội dung của phân phối đã được phát triển như không chỉ phân phối theo lao động mà còn phân phối theo sự đóng góp về vốn, sự đóng góp của trí tuệ nhân tạo, của công nghệ cao... Đồng thời, công bằng xã hội cũng nhờ đó mà tiến bộ, thay đổi, nâng tầm cao hơn cả về nhận thức và vận dụng thực tiễn. Đó là, không phải công bằng xã hội theo đầu người theo kiểu bình quân, mà công bằng được hiểu và vận dụng theo sự đóng góp, công bằng theo cơ hội thụ hưởng và cơ hội phát triển, công bằng trong việc được thụ hưởng phúc lợi xã hội, thành quả chung của cộng đồng.

Mặc dù với những thay đổi đột phá của sản xuất, của phân phối và của công bằng xã hội nhưng mối quan hệ biện chứng giữa chúng

được C.Mác nêu ra vẫn còn nguyên giá trị khoa học và có ý nghĩa thời đại cao. Thực tế hiện nay cũng rất cần sự hiểu biết thấu đáo và vận dụng, xử lý tốt mối quan hệ giữa sản xuất, phân phối, tiêu dùng và công bằng xã hội trong thực tiễn để đảm bảo thúc đẩy sản xuất được phát triển ngày một cao hơn, mạnh hơn và hiệu quả hơn. Sản xuất là nền tảng để phân phối, tiêu dùng và công bằng xã hội được hoàn thiện. Sản xuất phát triển mạnh tạo ra một xã hội giàu mạnh và phồn vinh thì phân phối, tiêu dùng và công bằng cũng được phát triển ngày một hiện đại hơn. Tuy nhiên, bản chất trong sản xuất có hàm chứa nội dung phân phối và biểu hiện sự công bằng xã hội, trong phân phối có cả sản xuất và thể hiện tính xã hội ở mặt bảo đảm công bằng xã hội và trong công bằng xã hội đã bao hàm cả sản xuất và phân phối bởi lẽ công bằng xã hội không một mình (tự thân) có thể tồn tại mà tồn tại và biểu hiện thông qua sản xuất và phân phối không thay đổi. Cần có sự nhận thức thấu đáo và vận dụng sáng tạo trong thực tiễn hiện nay để phát triển đất nước. Bên cạnh đó, rất cần một hệ thống phân phối mới hiện đại đi liền với thể chế, cơ chế, chính sách phân phối phù hợp để thực sự góp phần to lớn vào tiến trình sản xuất ngày một nhiều hơn và nhanh hơn. Đồng thời, công bằng xã hội phải đặc biệt quan tâm và bảo đảm để đến lượt nó có thể tác động để sản xuất và phân phối phát triển hơn, hiệu quả hơn. Công bằng xã hội sẽ được phát triển và hoàn thiện tương ứng với trình độ phát triển của nền sản xuất, phân phối và tiêu dùng và của cả nền kinh tế. Không thể có công bằng xã hội phát triển ở mức cao khi sản xuất, phân phối và tiêu dùng đang ở mức thấp và trình độ phát triển kinh tế ở mức thấp.

Với những phân tích trên, có thể khẳng định, chủ nghĩa Mác - Lênin có giá trị trường tồn, mọi sự xuyên tạc và phủ định không có giá trị trong thực tiễn. Chủ nghĩa Mác - Lênin đã có một sự chỉ dẫn rõ ràng về giải quyết tốt mối quan hệ giữa sản xuất, phân phối, tiêu dùng và công bằng xã hội, cần được phát triển và vận dụng sáng tạo trong thực tiễn phát triển ở Việt Nam hiện nay. □

<sup>1</sup> Năm hình thái kinh tế - xã hội là: Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản nguyên thủy; Hình thái kinh tế - xã hội chiếm hữu nô lệ; Hình thái kinh tế - xã hội phong kiến; Hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa và Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Trong năm hình thái trên thì, Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản nguyên thủy coi như tương ứng với trình độ xã hội 1.0; Hình thái kinh tế - xã hội chiếm hữu nô lệ và Hình thái kinh tế - xã hội phong kiến coi như tương ứng chủ yếu với xã hội nông nghiệp 2.0; còn, Hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa và Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa (tính cho đến hiện nay), trải dài qua cả ba loại hình xã hội công nghiệp 3.0, xã hội số 4.0 và xu hướng xã hội thông minh 5.0.

<sup>2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 1998, tập 46, phần 1, tr.44-45; 45; 47; 48; 55; 56; 45; 46.